TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Q
TỈNH SƠN LA

Bản án số: 20/2018/HSST
Ngày 28/3/2018

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Q, TỈNH SƠN LA

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bàn Văn Hoàng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Điêu Chính Vĩnh và bà Lò Thị Thảo

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên tòa: Bà Cầm Thị Thanh Huyền - Thư ký Toà án huyện Q.

Đại diện VKSND huyện Q tham gia phiên toà: Ông Thào Lịch Sử - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 3 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Q, tỉnh Sơn La, xét sử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 21/2017/TLST - HS ngày 30 tháng 01 năm 2018 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 20/2018/QĐXXST - HS ngày 14 tháng 3 năm 2018 đối với bị cáo.

1/ Họ và tên: **Lường Văn Đ**, sinh năm 1986 tại: xã M, huyện Q, tỉnh Sơn La; Nơi ĐKHKTT và chỗ ở hiện nay: Tiểu Khu 3, xã B, huyện M, tỉnh Sơn La; Nghề nghiệp: Trồng trọt; Trình độ văn hoá: 12/12; Đảng phái đoàn thể: Không; Dân tộc: Thái; Con ông: Lường Văn C và bà Điêu Thị T; có vợ là Lò Thị Th, có 02 con, lớn nhất 05 tuổi, nhỏ nhất 02 tuổi.

Tiền án, Tiền sự: Không. Bị bắt tạm giữ,tạm giam từ ngày 21/12/2017 cho đến nay có mặt tại phiên tòa.

2/ Người bị hại: Anh Lò Văn B, sinh năm 1977; Nơi ĐKHKTT: Bản H, xã M, huyện Q, tỉnh Sơn La, có mặt

3/ Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

*Ông Hà Văn T, sinh năm 1957; Nơi ĐKHKTT: Xóm 2, xã M, huyện Q, tỉnh Sơn La; có mặt.

*Anh Hà Ngọc Đ, sinh năm 1990; Nơi ĐKHKTT: Xóm 2, xã M, huyện Quỳnh Nhai, tỉnh Sơn La; vắng mặt

*Chị Hà Thị Đ, sinh năm 1988; Nơi ĐKHKTT: Xóm 2, xã M, huyện Q, tỉnh Sơn La; vắng mặt.

* Anh Vũ Thế T; sinh năm 1985, hiện nay tạm trú tại bản G, xã B, huyện M, tỉnh Sơn La, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 16/12/2017 Lường Văn Đ có hành vi lợi dụng sơ hở của Lò Văn B đã trộm cắp chiếc xe máy BKS 26K5 – 2273 mà B mượn của Hà Ngọc Đ có giá trị 3.400 000đ tại đầu cầu khu vực bản H, xã M, huyện Q nhằm mục đích sử dụng cho cá nhân.

Vật chứng thu giữ: 01 chiếc xe máy, 01 giấy đăng ký mô tô, xe máy, 01 giấy phép lái xe, 02 chứng minh nhân dân.

Ngày 19/12/2017 Cơ quan CSĐT Công an huyện Q ra quyết định trưng cầu định giá tài sản đối với chiếc xe máy mà bị cáo Lường Văn Đ trộm cắp.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 19/KL - HĐĐG ngày 21/12/2017 của Hội đồng định giá tài sản UBND huyện Q đã kết luận 01 chiếc xe máy đã qua sử dụng có giá trị là 3.400 000đ.

Tại phiên tòa bị cáo, người bị hại khai nhận: Ngày 16/12/2017 Hà Ngọc Đ trú tại Xóm 2, xã M, huyện Q mượn xe máy BKS 26K5 – 2273 của bố đẻ là Hà Văn T trú cùng xóm đến nhà Lò Văn B ở bản H, xã M, cùng ngày B mượn xe máy của Hà Ngọc Đ đi đến đầu cầu thuộc bản H dựng xe máy ở cạnh đường, không rút chìa khóa xe và đi vệ sinh.

Khoảnng 10 giờ cùng ngày Lường Văn Đ, sinh năm 1986; trú tại tiểu khu 3, xã B, huyện M đến bản H, xã M, huyện Q thăm họ hàng. Đi đến đầu cầu bản H thấy chiếc xe máy HONĐA WAVE màu xanh đen dựng cạnh đườngkhông có người trông coi, chìa khóa vẫn cắm ở ổ khóa. Đ nảy sinh ý định chiếm đoạt chiếc xe máy, nên đã lên xe ngồi nổ máy điều khiển xe đi ra đường QL6B về hướng thành phố và về Tiểu

khu 3, xã B, huyện M, khi về đến Tiểu khu 3, Đ mở cốp xe khiểm tra thấy có; 01 giấy đăng ký mô tô, xe máy mang tên Hà Văn T, sinh năm 1957; 01 giấy phép lái xe mang tên Hà Ngọc Đ, đều trú tại M, huyện Q và 01 chứng minh nhân dân mang tên Hà Thị Đ, sinh năm 1988; trú tại xã C, huyện Q, xem xong, Đ lại cất vào cốp xe và điều khiển xe về nhà mình, mục đích làm phương tiện đi lại. Khi về đến nhà, vợ Đ là Lò Thị Th có hỏi, Đ trả lời *"xe này anh mua",* Th không hỏi gì thêm.

Ngày 17/12/2017 Đ lấy các giấy tờ trong cốp xe máy trộm được và giấy chứng minh nhân dân của Đ đi cắm tại hiệu cầm đồ 68 của Vũ Thế T, tạm trú tại bản G, xã B, huyện M, tỉnh Sơn La lấy 300.000đ để nộp học cho con.

Sau khi bị mất chiếc xe máy B mượn của Đ, Bó đã có đơn trình báo. Đến ngày 20/12/2017 Lường Văn Đ bị Cơ quan điều tra Công an huyện Q bắt giữ về hành vi trộm cắp tài sản như đã nêu trên.

Tại bản Cáo trạng số: 11/KSĐT - KT ngày 29/01/2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Q đã truy tố đối với Lường Văn Đ về tội Trộm cắp tài sản - Theo quy định tại khoản 1 Điều 138 của Bộ luật hình sự năm 1999;

Tại phiên toà Kiểm sát viên phát biểu luận tội vẫn giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo Lường Văn Đ phạm tội Trộm cắp tài sản; Đề nghị Hội đồng xét xử; Áp dụng khoản 1 Điều 138, điểm b, p, h khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999.

- Xử phạt bị cáo Lường Văn Đ từ 06 (Sáu) đến 09 (chín) tháng. Miễn phạt tiền đối với bị cáo.

Vật chứng: Áp dụng Điều 41 BLHS năm 1999 và Điều 76 BLTTHS năm 1999.

Đề nghị tuyên trả lại cho anh Lò Văn B 01 chiếc xe máy HONDA BKS 26K5 - 2273 xe đã qua sử dụng.

Trả lại cho Hà Văn Th 01 Giấy đăng ký mô tô, xe máy; Hà Thị Đ 01 Giấy Chứng minh nhân dân; Hà Ngọc Đ 01 Giấy phép lái xe và cho bị cáo Lường Văn Đ 01 Chứng minh nhân dân.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu cú trong hồ sơ, đã đ- ợc thẩm tra tại phiên toà; Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo, người bị hại và những người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định của Cơ quan điều tra Công an huyện Q, Viện kiểm sát nhân dân huyện Q, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi , quyết định tố tụng của Cơ quamn tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa về thời gian, địa điểm và diễn biến sự việc phù hợp với các căn cứ khác: Biên vi phạm hành chính và biên bản tạm giữ vật chứng. Kết luận định giá tài sản "**01 chiếc xe máy HONDA, loại xe nữ, màu sơn xanh - đen có giá trị 3.400 000đ "**. Bị cáo khai mục đích trộm cắp để sử dụng cho bản.

Như vậy: Có đủ căn cứ kết luận: Ngày 16/12/2017 bị cáo Lường Văn Đ có hành vi trộm cắp 01 chiếc xe máy HONDA có trị giá 3.4000 000đ của anh Lò Văn Bó trú tại bản H, xã M, huyện Q, nhằm mục đích để sử dụng cho bản thân.

Bị cáo Lường Văn Đ đã phạm tội Trộm cắp tài sản - Tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 138 BLHS năm 1999; "*Có khung hình phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm"*, Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung và có hiệu lực từ ngày 01/01/2018 cũng có khung phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc từ 06 tháng đến 03 năm: Như vậy việc truy tố bị cáo Lường Văn Đ theo quy định tại khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999 cũng đảm bảo tính nghiêm minh của pháp luật đối với bị cáo Đ.

Hành vi phạm tội của bị cáo đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác; gây ảnh hưởng xấu đến trật tự trị an tại địa phương; bị cáo đã lợi dụng sơ hở trong quản lý tài sản của chủ sở hữu để chiếm đoạt, bị phát giác buộc bị cáo phải thừa nhận hành vi phạm tội, trước đó bị cáo có 01 tiền án đều về tội Vô ý làm chết người, nên có đủ năng lực trách nhiệm hình sự do đó phải chịu hình phạt theo quy định của pháp luật. Do vậy cần có mức hình phạt tù tương xứng với tính chất mức độ, hành vi phạm tội của bị cáo đã gây ra, nhằm cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định nhằm cải tạo, giáo dục bị cáo trở thành người lương thiện, có ích cho xã hội, răn đe và phòng ngừa tội phạm này nói chung.

Xét về nhân thân của bị cáo: Bị cáo có nhân thân xấu:

Ngày 24/6/2009 Tòa phúc thẩm -Tòa án nhân dân Tối Cao tại Hà Nội xử phạt 12 tháng tù về tội Vô ý làm chết người; Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 64 Bộ luật hình sự năm 1999; Điều 70 Bộ luật hình sự năm 2015 thì tiền án trên đương nhiên được xóa án tích. Lẽ ra bị cáo phải lấy đó làm bài học để rèn luyện bản thân, trở thành công tốt cho gia đình và xã hội.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự : Sau khi phạm tội tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, gia đình bị cáo đã bồi thường thiệt hại cho người bị hại, người bị hại không yêu cầu gì thêm, bị cáo phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, là tình tiết giảm trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm b, p, h khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999 và điểm b, s, i khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 để giảm trách nhiệm hình sự cho bị cáo.

Về hình phạt bổ sung quy định tại khoản 5 Điều 138 BLHS năm 1999 cơ quan Công an đã xác minh bị cáo hiện nay đang sống vào trồng trọt, không có tài sản riêng, nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[3] Vật chứng vụ án:

Đối với chiếc xe máy BKS 26K5 - 2273 mà bị cáo Lường Văn Đông chiếm đoạt là của Lò Văn B mượn của Hà Ngọc Đ trú tại xóm 2, xã M, huyện Q. Qua xác minh chủ sở hữu chiếc xe máy nêu trên là của Hà Văn T, sinh năm 1957, trú tại xóm 2, xã M, huyện Q. Anh B mượn với Đ (*là con rể*) để đi việc và dựng xe ở cạnh đường thì bị mất trộm. Nên cần trả lại chiếc xe máy nêu trên cho anh Lò Văn B.

Đối với 01 giấy đăng ký mô tô xe máy mang tên Hà Văn T, 01 giấy phép lái xe mang tên Hà Ngọc Đ và 01 giấy chứng minh nhân dân mang tên Hà Thị Đ, các giấy tờ trên đều để trong cốp xe máy và bị mất cắp cùng chiếc xe máy. Do đó cần trả lại các giấy trên cho Hà Văn T, Hà Ngọc Đ và Hà Thị Đ.

Đối với 01 giấy chứng minh nhân dân mang tên Lường Văn Đ, bị cáo dùng chứng minh nhân dân của mình kèm theo giấy đăng ký mô tô xe máy để cầm đồ với Vũ Thế T lấy 300.000đ; Xét giấy chứng minh nhân dân là giấy tùy thân của bị cáo còn giá trị sử dụng. Do vậy cần trả lại cho bị cáo.

Đối với anh Vũ Thế T là chủ hiệu cầm đồ 68, đã cho bị cáo Lường Văn Đ cầm cố 300 000đ, tài sản mà Đ cắm, T không biết đó là tài sản do Đ trộm cắp mà có nên Cơ quan điều tra Công an huyện Q không đặt vấn đề xử lý đối với T là có căn cứ. Lời khai tại cơ quan điều tra anh không yêu cầu bị cáo Đ hoàn trả lại cho anh 300 000đ; Đây là sự tự nguyện của T cần chấp nhận. Nhưng cần truy thu 300.000đ (*tiền cầm cố giấy tờ xe máy*) để sung công quỹ Nhà nước.

[4] Về trách nhiệm dân sự: Đối với 01 chiếc xe máy, mà bị cáo Đ chiếm đoạt là thuộc quyền sở hữu của ông hà Văn Th, sinh năm 1957, trú tại Xóm 2, xã M, huyện Q, tỉnh Sơn La (Đ lấy đi đến nhà bố vợ " *là Lò Văn B*" chơi và Lò Văn B mượn lại với Đ để đi việc và dựng xe cạnh đường thì bị mất trộm). Nên cần trả cho Lò Văn B, người bị hại yêu cầu bị cáo Lường Văn Đ phải bồi thường chi phí xăng xe và công truy tìm với số tiền là 5.000 000đ; Tại biên thỏa thuận giữa gia đình bị cáo và người bị hại Lò Văn B về phần chi phí xăng xe và công truy tìm với số tiền là 4.000 000đ. Người bị hại không yêu cầu gì khác cần chấp nhận.

Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

1/ Tuyên bố: Bị cáo Lường Văn Đ phạm tội Trộm cắp tài sản.

* Áp dụng khoản 1 Điều 138, điểm b, p, h khoản 1 Điều 46 Điều 47 của Bộ luật hình sự năm 1999;

- Xử phạt bị cáo Lường Văn Đ 03 (ba) tháng 01 (một) ngày tù.

Căn cứ Điều 227 Bộ luật tố tụng hình sự năm 1999; Điều 299 và Điều 328 Của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

Tuyên bố trả tự do tại phiên tòa cho bị cáo đang tạm giam, nếu bị cáo Đ không bị tạm giam về một phạm khác.

Miễn phạt tiền đối với bị cáo

2/ Vật chứng vụ án: Áp dụng Điều 41 Bộ luật hình sự năm 1999 và Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự năm 1999;

Tuyên trả: - 01 chiếc xe máy nhãn hiệu HONDA, loại nữ, màu sơn xanh - đen BKS26K5 - 2273 ; số máy 2139579, số khung 629385 xe đã qua sử dụng cho Lò Văn B.

- 01 Giấy đăng ký xe mô tô, xe máy số 071372 mang tên Hà Văn T địa chỉ xóm 9, xã M, huyện , tỉnh Sơn La, do phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh Sơn La cấp ngày 11/4/2009 cho Hà Văn T quản lý sử dụng.

- 01 Giấy phép lái xe số 140164006790 mang tên Hà Ngọc Đ, sinh năm 1990 trú tại xã M, huyện Q, tỉnh Sơn La, cho Hà Ngọc Đ quản lý, sử dụng.

- 01 Giấy Chứng minh thư nhân dân mang tên Hà Thị Đ; sinh năm 1988 tại xã C, huyện Q, tỉnh Sơn La cho Hà Thị Đ quản lý, sử dụng.

- 01 Giấy Chứng minh thư nhân dân mang tên số 050887885 mang tên Lường Văn Đ cho bị cáo Lường Văn Đ quản lý, sử dụng.

Truy thu 300.000đ tiền cầm cố tài sản (Giấy tờ xe máy) để sung công quỹ Nhà nước.

3/ Về án phí: Áp dụng Điều 99 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 1999 (Điều 135 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015); Điều 21, 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án - bị cáo Lường Văn Đ phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đ *(Hai trăm nghìn đồng).*

Bị cáo, người bị hại và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án ngày 28/3/2018./.

Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án anh Đ, chị Đ và anh T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại trụ sở UBND xã, phường./.

Nơi nhận:
-TA ND Tỉnh
-VKSND (02)
- Công an (02)
-THA hình sự
-THA dân sự
-UBND B
-Bị cáo
-Người liên quan (4)
-L- u án văn
-L- u hồ sơ.

T/M.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Bàn Văn Hoàng